



- ▶ **Máy thẩm, máy cuốn tổ hợp**
- ▶ Kombinovaná srovnávací a tloušťkovací frézka
- ▶ Combined planer and thicknesser
- ▶ Abricht - und Dickenhobelmaschine
- ▶ Cepilladora - Regruesadora
- ▶ Combinee degauchisseuse - Raboteuse

MSP 315

MSP 415

MP 415



EURO7



MSP 415

+ VDA 315 L

O - MSP 315, 415

n/a - MP 415

Máy có bộ phận đục tay

Dlabačka

Slot mortising attachment

Langlochbohrvorrichtung

Dispositivo a taladrar mortajas

Mortaiseuse

MP 415

- **Bàn cuốn**
- Tloušťkovací frézka
- Thicknesser
- Dickenhobelmaschine
- Regruesadora
- Raboteuse



Khối MBM liền với 3 dao TERSA

Třínožový hoblovací válec S TERSA noži

MBM Monoblock with 3 TERSA knives

MBM Monoblock mit 3 TERSA Messern

EJe TERSA monobloc 3 cuchillas

Arbre porte-fers monobloc MBM avec 3 fers TERSA

O



MSP 315 + VDA 315L



MSP 415



MSP 415

Máy thẩm, máy cuốn tổ hợp - Kombinovaná srovnávací a tloušťkovací frézka - Combined planer and thicknesser



- MSP 315, 415

- MP 415

Bàn thẩm có thể xoay mở

Odklopné srovnávací stoly
Swing away planing tables
Aufklappbare Abrichtische
Elevación de Las mesas cepillo
Tables rabattables



Máy cắt có hình trục lăn

Hoblovací válec s podávacími válci
Cutterblock with feeding rollers
Hobelwelle mit Vorschubrollen
Portacuchilla con rodillos de avance
Arbre avec rouleaux d'entraînement



Độ nâng bàn đẩy có chỉ dẫn

Zdvih protahovacího stolu se stupnicí
Lifting of thicknessing table with indication
Dickentischhub mit Skala
Elevación de la mesa para regruesar con escala
Monte et baisse avec indication



- MSP 315, 415

- MP 415



- MSP 415, MP 415

- MSP 315



Thanh chắn có độ nghiêng 90-45

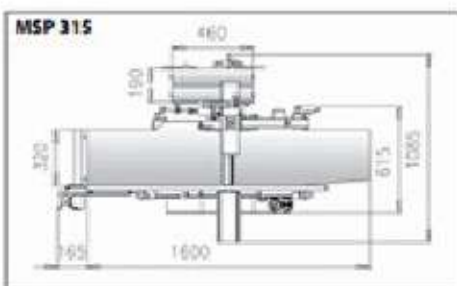
Odklopné srovnávací stoly
Swing away planing tables
Aufklappbare Abrichtische
Elevación de Las mesas cepillo
Tables rabattables

Trục lăn nằm trên mặt bàn đẩy

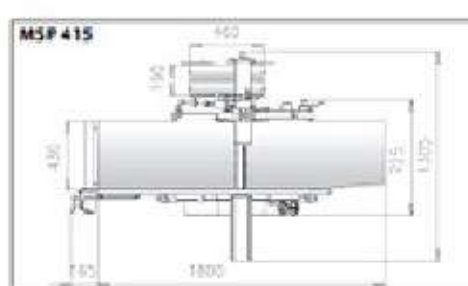
Válečky V protahovém stole
Rollers in thicknessing table
Rollen im Dickentisch
Rodillos en la mesa para regruesar
Rouleaux dans la table de rabotage

Trục lăn của mặt bàn đẩy

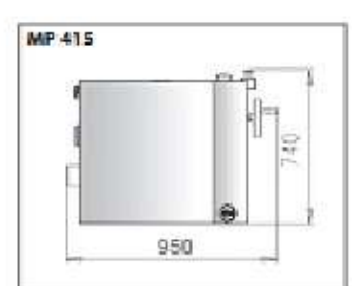
Odlehčovací válečky protahového stolu
Rollers of thicknessing table
Dickentischrollen
Rodillo de la mesa para regruesar
Rouleaux de la table de rabotage



MSP 315: 1765x640x1050 mm



MSP 415: 1965x750x1050 mm



MP 415: 950x740x1050 mm

• Kích thước của thùng hàng chuẩn (Chiều dài x chiều rộng x chiều cao) • Rozměry balení v PE fólii
(délka x šířka x výška) • Dimensions of standard packing (PE foil) (length x width x height)

	MSP 315 MSP 415	MP 415
Kích thước bàn - Máy phẳng • Rozměry stolu srovnávací frézy • Table size - Planer • Tischgrösse Abricht -Hobelmaschine	1600 x 320 mm 1800 x 420 mm	-
Kích thước bàn - Bàn cuốn • Rozměry stolu tloušťkovací frézy • Table size - Thicknesser • Tischgrösse - Dickenhobelmaschine	750 x 308 mm 750 x 408 mm	750 x 408 mm
Chiều cao máy • Výška stroje • Machine height • Maschinenhöhe	1050 mm	1050 mm
Đường kính trục cắt • Průměr nožového hřídele • Diameter of cutterblock • Messerwellendurchmesser	95 mm	95 mm
Đường kính trục lăn • Průměr posuvových válečků • Diameter of feeding rollers • Vorschubrollendurchmesser	40 mm	40 mm
Số lượng dao • Počet nožů • Number of knives • Messerzahl	3	3
Độ nghiêng thanh chắn • Úhel sklonu naklápečího pravítka • Fence tilting • Winkeleinstellung	0° - 45°	-
Tốc độ cắt • Otáčky nožového hřídele • Speed of cutterblock • Messerwellendrehzahl	4200/min	4200/min
Chiều rộng tối đa dao bào • Max. šířka srovnávání • Max. planing width • Max. Abrichtbreite	310 mm 410mm	-
Chiều rộng tối đa dao cuốn • Max. šířka tloušťkování • Max. thicknessing width • Max. dickenhobelbreite	300 mm 400 mm	400 mm
Chiều cao tối đa dao cuốn • Max. výška tloušťkování • Max. thicknessing height • Dickenhobelhöhe	230 mm	230 mm
Phần bào dư tối đa • Max. tříska srovnávání • Max. stock removal planing • Spanabnahme bei Abrichten	4 mm	-
Phần cuốn dư tối đa • Max. tříska tloušťkování • Max. stock removal thicknessing • Spanabnahme bei dickenhobeln	5 mm	5 mm
Tốc độ đưa vật liệu • T rychlost posuvu tloušťkování • Feeding speed • Vorschubgeschwindigkeit	8m/phút (7,5/15;5/10)	8m/phút (7,5/15;5/10)
Công suất động cơ chính • Výkon hlavního motoru • Main motor power • Hauptmotorleistung	3,0 S1 (3,7 S6)kW- 3f;(2,2 S1)kW - 1f.	3,0 S1 (3,7 S6)kW- 3f;(2,2 S1)kW - 1f.
Công suất động cơ tiếp năng lượng • Výkon posuvového motoru • Feeding motor power • Vorschubmotorleistung	(0,35/0,45 kW)	(0,35/0,45 kW)
Đường kính ống hút bụi • Průměr odsávání • Suction dust hood diameter • Absaugrohrdurchmesser	100 mm	120 (100) mm
Tổng trọng lượng thô/Trọng lượng riêng • Hmotnost brutto / netto • Gross / Net weight • Brutto / Nettogewicht	330 / 305 kg 390 / 360 kg	310 / 290 kg
Lựa chọn: Máy đục • Možnosti užití dlabačky • Option: Mortiser • Zubehör: Langlochbohrvorrichtung		
VDA 315 L	Kích thước bàn • Rozměry stolu • Table size • Tischgrösse	460 x 190 mm
	Đường kính trục máy tiện • Upínací průměr nástroje • Chuck diameter • Bohrfutter	0 - 16 mm
	Chiều cao tối đa bàn đục trên • Max. výška dlabu nad stolem • Max. height of mortising above the table • Max. Langlochhöhe über dem tisch	125 mm
	Chiều tối đa bàn đẩy dọc • Rozsah podélného pohybu • Max. longitudinal travel of the table • Max. Längsarbeitsweg	180 mm
	Chiều tối đa bàn đẩy ngang • Rozsah příčného pohybu • Max. cross travel of the table • Max. Querarbeitsweg	135 mm
	Tổng trọng lượng thô/ Trọng lượng riêng • Hmotnost brutto / netto • Gross / net weight • Brutto / nettogewicht	40 / 37 kg

Khách hàng có thể đề nghị thay đổi các thông số kỹ thuật theo yêu cầu • Výrobce si vyhrazuje právo na případné technické změny • Technical and optical changes are possible without previous advise • Technische und optische Änderungen vorbehalten

A&B TOOLS J.S.C - nhà cung cấp máy chế biến gỗ Tiệp - Châu Âu tại Việt Nam

Hà Nội:

5B, Tầng 2, International Center, 17 Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm, HN
Tel: 04 3 936 57 32 Fax: 04 3 936 57 34

Bình Dương:

Số 49 Bis, Đại lộ Bình Dương, KP Bình Giao, Thuận Giao, Thuận An, Bình Dương
Tel: 0650 3 798 288/299 Fax: 0650 3798 288
Email: abtools@vnn.vn



www.abtools.com.vn/
www.abtoolsmarket.com



www.rojek.cz